

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
XÃ BẠCH THÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/NQ-HĐND

Bạch Thông, ngày 04 tháng 8 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

Về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và  
nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BẠCH THÔNG**  
**KHOÁ I, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Sau khi nghe Báo cáo số 112/BC-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bạch Thông về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025;

Xét tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bạch Thông dự thảo Nghị quyết về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2025 nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân xã trình tại kỳ họp.

**Điều 2.** Thông qua nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2025 của xã Bạch Thông với các chỉ tiêu, nhiệm vụ giải pháp chủ yếu sau:

**1. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025**

**1.1. Chỉ tiêu kinh tế**

- Tổng sản lượng lương thực có hạt 2.037 tấn, trong đó thóc 1840 tấn, ngô 198 tấn.
- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản: Tăng 4%.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 1.456 triệu đồng.

**1.2. Chỉ tiêu xã hội**

- Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 4 trđ/người/tháng trở lên.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) từ 2,5% trở lên.
- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia 100%.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 95%.
- Tỷ lệ Gia đình văn hoá đạt từ 90% trở lên; Tỷ lệ thôn văn hóa từ 92% trở lên; Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa từ 95% trở lên.
- Xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn 79 nhà (hoàn thành trước 31/8/2025).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 71%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36,2%.
- Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội 45%.
- Duy trì xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

### **1.3. Chỉ tiêu về môi trường**

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng 75%.
- Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98% trở lên.

### **1.4. Chỉ tiêu quốc phòng - an ninh**

- Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng đạt 90% trở lên.
- Tỷ lệ điều tra và giải quyết các vụ việc đạt 85% trở lên.
- Tai nạn giao thông đường bộ giảm cả 3 tiêu chí.

*(Các chỉ tiêu cụ thể từng lĩnh vực theo biểu đính kèm).*

## **2. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư nhằm phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh.

Phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của địa phương; tranh thủ, thu hút và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế một cách bền vững. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ; ứng dụng khoa học - công nghệ, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; tăng cường công tác quản lý, khai thác hợp lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

## **3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

### **3.1. Nhiệm vụ, giải pháp lĩnh vực kinh tế**

- Tập trung thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo các nghị quyết, kết luận của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế năm 2025.

- Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch tài chính 05 năm; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo chỉ đạo của tỉnh và tình hình thực tế của địa phương trên cơ sở đảm bảo

- Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; các dự án giao hoàn thành trong năm 2025. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đầu tư công; thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả, chất lượng công trình, dự án đầu tư. Thực hiện nghiêm các quy định về đấu thầu, tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện các dự án.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; có giải pháp để hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; theo dõi sát nguồn thu, đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách; quản lý chi ngân sách hiệu quả, ưu tiên các khoản chi cho đầu tư phát triển, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Tăng cường phối hợp các tổ chức tín dụng; tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên để hỗ trợ người dân phát triển sản xuất.

- Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; chủ động huy động lực lượng, các nguồn lực hợp pháp để kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm các ổ dịch, không để bùng phát dịch bệnh, hạn chế phát sinh ổ dịch mới và xử lý nghiêm các trường hợp giấu dịch, làm lây lan dịch bệnh.

- Thực hiện các giải pháp đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, bảo đảm thời vụ. Tập trung phát triển thương hiệu, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp chủ lực và sản phẩm OCOP của xã.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng; chủ động các phương án phòng chống thiên tai cho mùa mưa bão năm 2025.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số. Tăng cường triển khai Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ ngày 09 tháng 01 năm 2025 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch của UBND tỉnh.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Thực hiện tốt công tác quản lý đất đai, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đảm bảo chất lượng hồ sơ và thời gian giải quyết đúng quy định; tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, dự án về kiểm kê đất đai; triển khai thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải, nước thải trên địa bàn. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch và đất đai. Rà soát, cập nhật quy hoạch sử dụng đất phù hợp với địa giới hành chính mới. Tăng cường kiểm tra hiện trạng sử dụng đất không đúng mục đích, lấn chiếm đất.

### ***3.2. Nhiệm vụ, giải pháp lĩnh vực văn hóa - xã hội***

- Tập trung, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, lực lượng công an, quân sự, đoàn thể và Nhân dân để đẩy nhanh tiến độ khởi công hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và các hộ gia đình thuộc

đối tượng Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát đảm bảo tiến độ hoàn thành hỗ trợ theo chỉ đạo của tỉnh và thanh quyết toán đúng quy định.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng, người cao tuổi, công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, người lao động, các đối tượng bảo trợ theo quy định.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, công tác giảm nghèo. Tập trung thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống người dân. Tiến hành rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có thu nhập trung bình, đánh giá thu nhập năm 2025 đúng quy định. Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp, người sử dụng lao động trên địa bàn tuyển dụng lao động, tuyển người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Chuẩn bị các điều kiện để triển khai nhiệm vụ năm học mới 2025 - 2026. Đảm bảo tỷ lệ tuyển sinh, sĩ số học sinh học tại các trường. Duy trì kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; triển khai thực hiện tốt công tác đào tạo nghề.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; đảm bảo thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế; tăng cường các giải pháp nâng cao tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế; củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của cơ sở y tế. Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh lưu hành tại địa phương, nhất là dịch bệnh theo mùa; chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai kịp thời các biện pháp phòng, chống dịch bệnh kịp thời, hiệu quả.

- Triển khai thực hiện tốt các hoạt động văn hoá, thể thao, kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị quan trọng trên địa bàn. Khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng gắn với sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh của địa phương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, chú trọng truyền thông chính sách, phổ biến pháp luật; chủ động cung cấp thông tin chính xác, nhanh chóng, kịp thời về tình hình kinh tế - xã hội, các chủ trương, cơ chế, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cho nhân dân. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và bình xét, đánh giá các danh hiệu văn hóa năm 2025, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số.

### **3.3. Nhiệm vụ, giải pháp lĩnh vực quốc phòng, an ninh**

#### **- Nhiệm vụ, giải pháp lĩnh vực Quốc phòng**

+ Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, hướng dẫn của các cấp về công tác QP&DP, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị - xã hội gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng kế hoạch tổ chức mở lớp bồi dưỡng kiến thức QP&AN cho các đối tượng theo kế hoạch của cấp trên.

+ Chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang xã đủ biên chế, có chất lượng chính trị tốt. Thường xuyên quán triệt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa

+ Bảo đảm ngân sách cho các hoạt động thường xuyên và hoạt động đột xuất của lực lượng vũ trang địa phương nhất là lực lượng dân quân. Thực hiện tốt công tác chính sách hậu phương Quân đội, chính sách “Đền ơn, đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, làm cơ sở nâng cao trách nhiệm xây dựng QP&AN ở cơ sở.

**- Nhiệm vụ, giải pháp lĩnh vực An ninh**

+ Tiếp tục triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm ANTT địa phương, tổ chức phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, tuyên truyền pháp luật, vận động nhân dân tích cực tham gia phòng chống tội phạm, nâng cao nhận thức, ý thức cảnh giác trước các thủ đoạn của tội phạm.

+ Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về ANTT, thực hiện công tác kiểm tra, vận động thu hồi và phòng ngừa, đấu tranh với các vi phạm về vũ khí vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo. Nắm chắc tình hình ANTT, tăng cường công tác quản lý chặt chẽ các loại đối tượng, quyết liệt tấn công trấn áp tội phạm và các vi phạm pháp luật.

+ Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ theo Đề án số 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các phòng chuyên môn và các Trưởng thôn tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo hiệu quả.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các đoàn thể phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân xã tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân phấn đấu thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng cuối năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Bạch Thông khoá I, kỳ họp thứ hai biểu quyết thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2025.

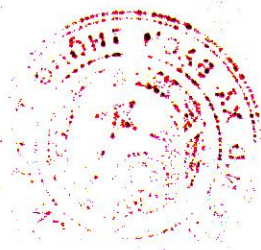
**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- TT Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Văn phòng HĐND-UBND xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Ma Thị Mận**



**BIỂU 01: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN VỤ MÙA,  
VỤ ĐÔNG NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: **40**/NQ-HĐND ngày **04/8/2025** của HĐND xã Bạch Thông)



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng
<b>I</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>		
<b>1</b>	<b>CÂY LƯƠNG THỰC CÓ HẠT</b>		
*	<b>Sản lượng lương thực có hạt</b>	<b>Ha</b>	<b>393</b>
	Trong đó: + Thóc	<b>Tấn</b>	<b>2037</b>
	+ Ngô	<b>Tấn</b>	<b>1840</b>
<b>1.1</b>	<b>Cây lúa</b>		
	Vụ mùa: + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>353.8</b>
	+ Năng suất	<b>Tạ/ha</b>	<b>52</b>
	+ Sản lượng	<b>Tấn</b>	<b>1840</b>
	Trong đó:		
	Diện tích sử dụng giống lúa chất lượng (Bao thai; Khẩu nua lếch; Khẩu nua pái...)	<b>ha</b>	<b>16</b>
<b>1.2</b>	<b>Cây ngô</b>	<b>Ha</b>	<b>40</b>
	Vụ mùa: + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>40</b>
	+ Năng suất	<b>Tạ/ha</b>	<b>50</b>
	+ Sản lượng	<b>Tấn</b>	<b>197.5</b>
<b>1.3</b>	<b>Duy trì diện tích đã chuyển đổi năm 2018 - 2021</b>	<b>ha</b>	<b>50</b>
<b>2</b>	<b>CÂY CHẤT BỘT</b>	<b>Ha</b>	<b>9</b>
<b>2.1</b>	<b>Cây khoai lang:</b>		<b>7</b>
	Vụ mùa: + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>4</b>
	+ Năng suất	<b>Tạ/ha</b>	<b>60</b>
	+ Sản lượng	<b>Tấn</b>	<b>24</b>
	Vụ đông: + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>3</b>
	+ Năng suất	<b>Tạ/ha</b>	<b>60</b>
	+ Sản lượng	<b>Tấn</b>	<b>18</b>
<b>2.2</b>	<b>Cây khoai tây</b>		<b>2</b>
	Vụ đông: + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>2</b>
	+ Năng suất	<b>Tạ/ha</b>	<b>50</b>
	+ Sản lượng	<b>Tấn</b>	<b>7.5</b>
<b>3</b>	<b>CÂY RAU, ĐẬU CÁC LOẠI</b>		
<b>3.1</b>	<b>Cây rau:</b>		<b>80</b>
	Vụ mùa: + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>40</b>
	+ Năng suất	<b>Tạ/ha</b>	<b>130</b>
	+ Sản lượng	<b>Tấn</b>	<b>520</b>
	Vụ đông + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>40</b>
	+ Năng suất	<b>Tạ/ha</b>	<b>130</b>
	+ Sản lượng	<b>Tấn</b>	<b>520</b>

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng
<b>4</b>	<b>CÂY CÔNG NGHIỆP</b>		<b>16</b>
<b>4.1</b>	<b>Cây lạc:</b>		<b>7.00</b>
	Vụ mùa: + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>7.00</b>
	+ Năng suất	Tạ/ha	19
	+ Sản lượng	Tấn	13
<b>4.2</b>	<b>Cây chè</b> + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>9.3</b>
	+ DT cho thu hoạch	Ha	<b>9.3</b>
	+ Năng suất	Tạ/ha	60
	+ Sản lượng (búp tươi)	Tấn	56
<b>5</b>	<b>CÂY ĂN QUẢ</b>		<b>912</b>
<b>5.1</b>	<b>Cây cam:</b> + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>145</b>
	+ DT cho thu hoạch	Ha	<b>97</b>
	+ Năng suất	Tạ/ha	135
	+ Sản lượng	Tấn	1351
<b>5.2</b>	<b>Cây quýt</b> + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>693</b>
	+ DT cho thu hoạch	Ha	<b>693</b>
	+ Năng suất	Tạ/ha	135
	+ Sản lượng	Tấn	9356
<b>5.3</b>	<b>Hồng không hạt:</b> + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>6</b>
	+ DT cho thu hoạch	Ha	6
	+ Năng suất	Tạ/ha	60
	+ Sản lượng	Tấn	38
<b>5.4</b>	<b>Cây mơ:</b> + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>7</b>
	+ DT cho thu hoạch	Ha	7
	+ Năng suất	Tạ/ha	60
	+ Sản lượng	Tấn	39
<b>5.5</b>	<b>Cây chuối:</b> + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>16.5</b>
	+ Năng suất	Tạ/ha	147
	+ Sản lượng	Tấn	243
<b>5.6</b>	<b>Cây ổi:</b> + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>19</b>
	+ DT cho thu hoạch	Ha	19
	+ Năng suất	Tạ/ha	50
	+ Sản lượng	Tấn	77
<b>5.7</b>	<b>Cây nhãn:</b> + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>7.5</b>
	+ DT cho thu hoạch	Ha	6
	+ Năng suất	Tạ/ha	50
	+ Sản lượng	Tấn	28
<b>5.8</b>	<b>Cây bưởi:</b> + Diện tích	<b>Ha</b>	<b>7</b>
	+ DT cho thu hoạch	Ha	7
	+ Năng suất	Tạ/ha	100

BIỂU 02: CHI TIẾT KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP - THUYỀN SẢN VỤ MÙA, VỤ ĐỒNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08/8/2025 của HĐND xã Bạch Thông)



TT	Chi tiêu	DVT	Tổng	Nhà Đỉnh	Nhà Thôn	Đa Lức	Đoàn Kết	Nhà Yai	Nhà Lưu	Nhà Hìn	Phường An	Bản Pè	Tổng Ngày	Nhà Công	Bản Mùn	Khướ Cò	Đại Thảng	Khu Chủ	Đông Tiến	Đông Nam	Quyết Thảng	Hợp Thảng	Toàn Thảng
1	TRỒNG TRÓT			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	CÂY LƯƠNG THỰC CÓ HẠT	Ha	393	14	21	13	7	8	5	7	1	31	21	10	16	12	38	39	34	42	27	29	23
*	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	2.037	72	108	36	46	41	26	33	3	159	106	52	81	60	199	205	176	221	142	153	119
	Trong đó: + Thóc	Tấn	1839,760	62,40	88,40	20,80	36,40	33,80	20,80	23,40	2,60	143,52	85,80	41,60	70,72	44,72	194,84	200,98	172,02	217,72	127,35	138,68	113,20
	+ Ngô	Tấn	197,50	10,00	20,00	15,00	10,00	7,50	5,00	10,00	0,00	15,00	20,00	10,00	10,00	15,00	4,55	4,00	3,50	3,00	14,70	14,00	6,25
1.1	Cây lúa																						
*	Vụ mùa	Ha	353,8	12	17	4	7	7	4	5	1	28	17	8	14	9	37	39	33	42	24	27	22
	+ Diện tích	Ha	353,8	12	17	4	7	7	4	5	0,5	27,6	16,5	8	13,6	8,6	37,47	38,65	33,08	41,87	24,49	26,67	21,77
	+ Năng suất	Tạ/ha	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0	52,0
	+ Sản lượng	Tấn	1839,760	62	88	21	36,40	33,80	20,80	23,40	2,60	143,520	85,80	41,60	70,720	44,720	194,844	200,980	172,016	217,724	127,348	138,684	113,204
	Trong đó:																						
	Diện tích sử dụng giống lúa chất lượng (Bao thạt; Khâu nua lếch; Khâu nua pải...)	ha	16	1	2	0	0	0	0	0	0	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
1.2	Cây ngô	Ha	40	2	4	3	2	2	1	2	0	3	4	2	2	3	1	1	1	1	3	3	1
b	Vụ mùa:	Ha	40	2	4	3	2	2	1	2	0	3	4	2	2	3	0,91	0,8	0,7	0,6	2,94	2,8	1,25
	+ Năng suất	Tạ/ha	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
	+ Sản lượng	Tấn	197,50	10	20	15	10,00	7,50	5,00	10,00	0,00	15,00	20,00	10,00	10,00	15,00	4,55	4,00	3,50	3,00	14,70	14,00	6,25
1.3	Duy trì diện tích đã chuyển đổi năm 2018 -2024	ha	50,0	3	4	5	2	2	1,5	2	0,5	5	5	4	2	3	3,5	1	2,5	1,5	0,3	1,2	1
2	CÂY CHẤT BÓT	Ha	7,0	0,63	0,60	0,51	0,30	0,30	0,20	0,20	0,10	0,25	0,21	0,12	0,11	0,10	0,60	0,52	0,44	0,50	0,30	0,56	0,45
2.1	Cây khoai lang:		7,0	0,63	0,60	0,51	0,30	0,30	0,20	0,20	0,10	0,25	0,21	0,12	0,11	0,10	0,60	0,52	0,44	0,50	0,30	0,56	0,45
	Vụ mùa:	Ha	4,00	0,5	0,5	0,4	0,2	0,2	0,1	0,1	0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,3	0,3	0,2	0,3	0,2	0,3	0,2
	+ Năng suất	Tạ/ha	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60
	+ Sản lượng	Tấn	24,00	3,00	3,00	2,40	1,20	1,20	0,60	0,60	0,00	0,60	0,60	0,00	0,00	0,00	1,80	1,80	1,20	1,80	1,20	1,80	1,20
	Vụ đông	Ha	3,00	0,13	0,10	0,11	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,15	0,11	0,12	0,11	0,10	0,30	0,22	0,24	0,20	0,10	0,26	0,25
	+ Năng suất	Tạ/ha	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00
	+ Sản lượng	Tấn	18,00	0,78	0,60	0,66	0,60	0,60	0,60	0,60	0,60	0,90	0,66	0,72	0,66	0,60	1,80	1,32	1,44	1,20	0,60	1,56	1,50
2.2	Cây khoai tây:		1,50	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,30	0,30	0,20	0,30	0,10	0,10	0,20
	Vụ đông:	Ha	1,50														0,20	0,22	0,24	0,22	0,20	0,20	0,22
	+ Năng suất	Tạ/ha	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00
	+ Sản lượng	Tấn	7,50	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	1,0	1,1	1,2	1,1	1,0	1,0	1,1
3	Cây rau:	ha	80,00	2,5	2,6	2,5	1,3	1,3	1,2	1,4	0,6	3,0	2,9	1,8	2,0	2,3	8,2	8,4	7,8	8,0	6,1	8,4	7,7
	Vụ mùa:	Ha	40,00	2	2	2	1	1	1	1	0,5	2,5	2,4	1,3	1,5	1,8	3	3,3	3,3	3,5	1,8	3,4	2,5
	+ Năng suất	Tạ/ha	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130	130
	+ Sản lượng	Tấn	520,0	26	26	26	13,0	13,0	13,0	13,0	6,5	32,5	31,2	16,9	19,5	23,4	39,0	42,9	32,5	45,5	23,4	44,2	32,5
	Vụ đông	Ha	40,0	0,50	0,60	0,50	0,30	0,30	0,20	0,40	0,10	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	5,20	5,10	5,30	4,50	4,30	5,00	5,20
	+ Năng suất	Tạ/ha	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0	130,0
	+ Sản lượng	Tấn	520,0	7	8	7	4	4	3	5	1	7	7	7	7	7	68	66	69	59	56	65	68
4	CÂY CÔNG NGHIỆP	ha	16,30	0,20	0,20	0,20	0,10	0,10	0,60	0,10	5,00	1,10	1,10	0,70	0,90	1,10	1,10	1,10	0,70	0,70	0,60	0,80	0,50
4.1	Cây lạc:	ha	7,00	0,20	0,20	0,20	0,10	0,10	0,10	0,10	0,00	0,40	0,40	0,20	0,20	0,40	0,60	0,70	0,70	0,50	0,60	0,80	0,50





TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng
	+ Sản lượng	Tấn	66
<b>5.9</b>	<b>Cây táo: + Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>3</b>
	+ DT cho thu hoạch	Ha	3
	+ Năng suất	Tạ/ha	120
	+ Sản lượng	Tấn	32
<b>5.10</b>	<b>Cây thanh long: + Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>8</b>
	+ DT cho thu hoạch	Ha	8
	+ Năng suất	Tạ/ha	200
	+ Sản lượng	Tấn	56
<b>6</b>	<b>DIỆN TÍCH ĐẤT RUỘNG, SOI BÃI ĐẠT 100 TRIỆU ĐỒNG TRÊN HA TRỞ LÊN</b>	<b>Ha</b>	<b>50</b>
<b>II</b>	<b>CHĂN NUÔI</b>		
<b>1</b>	<b>Tổng đàn</b>	con	
<b>1.1</b>	<b>Đàn đại gia súc</b>	con	<b>300</b>
-	Số con hiện có	con	209
	- Đàn trâu	con	179
	- Đàn bò	con	30
-	Số con xuất bán giết mổ	con	91
	Sản lượng thịt hơi	tấn	23
<b>1.2</b>	<b>Tổng đàn lợn</b>	con	<b>3023</b>
-	Số con hiện có	con	1481
-	Số con xuất bán, giết mổ	con	1542
-	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	tấn	119
<b>1.3</b>	<b>Tổng đàn dê</b>	<b>con</b>	<b>777</b>
-	Số con hiện có	con	440
-	Số con xuất bán, giết mổ	con	337
-	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	10
<b>1.4</b>	<b>Tổng đàn gia cầm</b>		<b>70000</b>
-	Số con hiện có	con	38500
-	Số con xuất bán, giết mổ	con	31500
	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	tấn	63
<b>2</b>	<b>Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại</b>	<b>tấn</b>	<b>200.0</b>
<b>III</b>	<b>THỦY SẢN</b>		
-	<i>Ao nuôi hộ gia đình</i> + Diện tích	ha	<b>38</b>
	+ Năng suất	tạ/ha	20
	+ Sản lượng	tấn	76
<b>IV</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>		
	<b>Lâm sản</b>		
	Gỗ	m3	5120
	Củi	Ste	9174
	Luồng, vầu	1000 cây	39
	Nứa	1000 cây	51

**BIỂU 03: CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: 10 /NQ-HĐND ngày 09/8/2025 của HĐND xã Bạch Thông)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
<b>I. CHỈ TIÊU XÃ HỘI-MÔI TRƯỜNG</b>				
1	Thu nhập bình quân đầu người/tháng	Trđ/người	4	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
2	Tỷ lệ nghèo đa chiều	%	6.5	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
3	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia	%	100	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
4	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
5	Tỷ lệ Gia đình văn hoá	%	90	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
6	Tỷ lệ thôn văn hóa	%	92	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
7	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	95	
8	Xóa nhà tạm trên địa bàn	Nhà	79	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	71	Trong đó có bằng cấp, chứng chỉ 36,2%
10	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	45	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
11	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
12	Duy trì tỷ lệ che phủ rừng	%	75	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
13	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	98	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
<b>II CHỈ TIÊU AN NINH - QUỐC PHÒNG</b>				
1	Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng	%	90	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
2	Làm sạch dữ liệu dân cư; đăng ký, kích hoạt định danh điện tử mức độ 2 cho công dân đủ 14 tuổi trở lên	%	100	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
3	Tỷ lệ điều tra và giải quyết các vụ việc	%	85	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
4	Phối hợp thực hiện điều tra khám phá án nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng	%	100	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
5	Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo tội phạm.	%	Tỷ lệ tiếp nhận 100%; giải quyết 90%	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm

6	Tai nạn giao thông đường bộ giảm cả ba tiêu chí	Đạt	Đạt	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
7	Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho công dân đảm bảo đúng thời hạn	%	100	Tiếp tục thực hiện chỉ tiêu cả năm
8	Nâng cao chất lượng, tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến đối với các dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06 đạt trên 80%	%	80	
9	Tổ chức thu nhận hồ sơ, cấp Căn cước cho 100% công dân từ 14 tuổi trở lên và phần đầu trên 80% trẻ em dưới 14 tuổi cư trú tại địa bàn được thu nhận hồ sơ, cấp Căn cước	Đạt	Đạt	
10	Triển khai thu nhận định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn phường tạo điều kiện tham gia dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; phần đầu 100% doanh nghiệp, hợp tác xã và 100% cơ quan, tổ chức khác trên địa bàn có tài khoản định danh điện tử	%	100	
11	Triển khai tích hợp các loại giấy tờ đang quản lý, đẩy mạnh làm giàu dữ liệu, sẵn sàng mở rộng và tích hợp các tiện ích mới trên ứng dụng VneID như xác định tình trạng hôn nhân, thông báo thi hành án dân sự, thông tin về ngân hàng, viễn thông, y tế, giáo dục...	Đạt	Đạt	